

Số: 99/TB-ĐHNN

V/v tuyển sinh sau đại học đợt 1 năm 2017

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2017

**THÔNG BÁO TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017  
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Kính gửi: .....

Căn cứ Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) ban hành theo Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN ngày 08/12/2014 của Giám đốc ĐHQGHN;

Căn cứ Quy chế đào tạo sau đại học ở ĐHQGHN ban hành theo Quyết định số 1555/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/5/2011 đã được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 3050/QĐ-ĐHQGHN ngày 17/9/2012 và Quyết định số 4280/QĐ-ĐHQGHN ngày 14/11/2014 của Giám đốc ĐHQGHN;

Căn cứ Quy chế tạm thời về công tác tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN ban hành theo Quyết định số 1080/QĐ-ĐHQGHN ngày 20/4/2016 của Giám đốc ĐHQGHN;

Căn cứ Quy định về việc xét tuyển người nước ngoài vào học tại ĐHQGHN ban hành kèm theo Quyết định số 4299/QĐ-ĐHQGHN ngày 30/10/2015 của Giám đốc ĐHQGHN;

Căn cứ Hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh sau đại học đợt 1 năm 2017 số 224/HD-ĐHQGHN ban hành ngày 18/01/2017 của Giám đốc ĐHQGHN;

Trường ĐHNN-ĐHQGHN xin thông báo tuyển sinh sau đại học đợt 1 năm 2017 của Trường như sau: (*Chỉ tiêu tuyển sinh xem Phụ lục 1 kèm theo*)

**1. Giới thiệu chung**

Năm 2017, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) tổ chức **02 đợt thi tuyển sinh sau đại học** trình độ thạc sĩ và xét tuyển đào tạo tiến sĩ các chuyên ngành Ngoại ngữ vào thời gian:

**Đợt 1**

*Các ngày thi: Thứ Bảy 22 tháng 4 năm 2017*

*Chủ nhật 23 tháng 4 năm 2017*

Tổ chức đánh giá hồ sơ chuyên môn (tuyển sinh đào tạo tiến sĩ) từ ngày **25/4 đến 09/5/2017**.

**Đợt 2**

*Các ngày thi: Thứ Bảy 09 tháng 9 năm 2017*

*Chủ nhật 10 tháng 9 năm 2017*

Tổ chức đánh giá hồ sơ chuyên môn (tuyển sinh đào tạo tiến sĩ) từ ngày **11/9 đến 26/9/2017**.

**Các ngành tuyển sinh:**

- Đào tạo **thạc sĩ**: tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc, tiếng Đức và tiếng Nhật Bản

- Đào tạo **tiến sĩ**: tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc

**Lưu ý: Tuyển sinh các ngành tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Đức, tiếng Nhật bậc thạc sỹ chỉ được tổ chức vào đợt 2. Tuyển sinh ngành tiếng Anh và xét tuyển đào tạo tiến sỹ các chuyên ngành Ngoại ngữ được tổ chức trong 02 đợt.**

### **1.1. Tuyển sinh đào tạo thạc sỹ**

#### **1.1.1. Thời gian đào tạo**

Học viên học trong thời hạn 02 năm theo hình thức đào tạo chính quy tập trung.

#### **1.1.2. Chuyên ngành đào tạo**

+ Ngành *Tiếng Anh*: các chuyên ngành *Ngôn ngữ Anh* và *Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh*.

+ Ngành *Tiếng Nga*: các chuyên ngành *Ngôn ngữ Nga* và *Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Nga*.

+ Ngành *Tiếng Pháp*: các chuyên ngành *Ngôn ngữ Pháp* và *Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Pháp*.

+ Ngành *Tiếng Trung Quốc*: các chuyên ngành *Ngôn ngữ Trung Quốc* và *Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Trung Quốc*.

+ Ngành *Tiếng Nhật*: chuyên ngành *Ngôn ngữ Nhật Bản*.

+ Ngành *Tiếng Đức*: chuyên ngành *Ngôn ngữ Đức*.

### **1.2. Tuyển sinh đào tạo tiến sỹ**

#### **1.2.1. Thời gian đào tạo**

- Đào tạo từ cử nhân: 4 năm, theo hình thức tập trung

- Đào tạo từ thạc sỹ: 3 năm, theo hình thức tập trung

#### **1.2.2. Chuyên ngành đào tạo**

+ Ngành *Tiếng Anh*: các chuyên ngành *Ngôn ngữ Anh* và *Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh*.

+ Ngành *Tiếng Nga*: các chuyên ngành *Ngôn ngữ Nga* và *Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Nga*.

+ Ngành *Tiếng Pháp*: các chuyên ngành *Ngôn ngữ Pháp* và *Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Pháp*.

+ Ngành *Tiếng Trung Quốc*: các chuyên ngành *Ngôn ngữ Trung Quốc* và *Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Trung Quốc*.

### **1.3. Chế độ thu học phí**

Học viên cao học (đào tạo thạc sỹ) và nghiên cứu sinh (đào tạo tiến sỹ) đều phải đóng học phí theo quy định của Nhà nước. Mức thu cụ thể sẽ được thông báo theo hướng dẫn thu học phí của Trường Đại học Ngoại ngữ.

## **3. Điều kiện dự thi**

### **3.1. Dự thi đào tạo thạc sỹ**

Về văn bằng: Thí sinh cần đáp ứng điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ các hệ đào tạo (**chính quy, vừa làm vừa học, bằng do nước ngoài cấp**) ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng kí dự thi. Các đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải nộp kèm theo văn bản công nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng Giáo dục, Bộ GD&ĐT.

*Về chính sách ưu tiên:* Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng thêm 10 điểm (thang điểm 100) cho môn ngoại ngữ và 01 điểm (thang điểm 10) cho môn cơ bản. Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng **một** lần ưu tiên (xem Phụ lục 2 kèm theo dưới đây).

### **3.2. Dự tuyển đào tạo tiến sĩ**

*Về văn bằng và công trình khoa học đã công bố:* Thí sinh cần đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Có bằng thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu hoặc có luận văn thạc sĩ với khối lượng từ 10 tín chỉ trở lên thuộc chuyên ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng kí dự tuyển;

- Có bằng thạc sĩ theo định hướng thực hành chuyên ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng kí dự tuyển và có ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển;

- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành khác và có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng kí dự tuyển. Trong trường hợp này, thí sinh phải có ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển và phải dự tuyển theo chế độ như người chưa có bằng thạc sĩ;

- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy chuyên ngành đúng với chuyên ngành đăng kí dự tuyển loại giỏi trở lên và có ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học, hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển;

- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng với chuyên ngành đăng kí dự tuyển loại khá và có ít nhất 02 bài báo công bố trên tạp chí khoa học, hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.

Nội dung các bài báo phải phù hợp với chuyên ngành đăng kí dự tuyển và được công bố trên tạp chí khoa học của ĐHQGHN, các tạp chí khoa học có uy tín cấp quốc gia, quốc tế hoặc trong tuyển tập công trình (có phản biện) của Hội nghị khoa học cấp quốc gia, quốc tế được xuất bản chính thức;

**Lưu ý:** Các đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải nộp kèm theo văn bản công nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng Giáo dục, Bộ GD&ĐT.

*Về chuyên môn:* Thí sinh cần có Bài luận về dự định nghiên cứu luận án tiến sĩ và hai thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ cùng chuyên ngành, trong đó một nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư đồng ý nhận hướng dẫn luận án tiến sĩ của thí sinh.

Bài luận về dự định nghiên cứu luận án tiến sĩ cần trình bày rõ ràng về lý do chọn đề tài nghiên cứu, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo, mục tiêu nghiên cứu, kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo. Bài luận về dự định nghiên cứu cũng cần nêu những kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn mà nghiên cứu sinh đã chuẩn bị và dự kiến kế hoạch hoạt động khoa học của thí sinh sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ.

Trong thư giới thiệu của nhà khoa học cần có nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của thí sinh dự tuyển (xem danh sách cán bộ hướng dẫn khoa học ở Phụ lục 3 kèm theo dưới đây).

### **3.3. Chuyển tiếp sinh đào tạo tiến sĩ từ cử nhân**

Sinh viên của Trường Đại học Ngoại ngữ- ĐHQGHN tốt nghiệp hệ chính quy sau tháng 6 năm 2016 hoặc trong năm 2017, nếu có đủ điều kiện, được xét chuyển tiếp sinh đào tạo tiến sĩ năm 2017.

Điều kiện xét chuyển tiếp như sau:

1. Ngành tốt nghiệp đại học đúng với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ;

2. Tổng điểm trung bình chung tích lũy toàn khoá và điểm thường thành tích nghiên cứu khoa học đạt từ 3,7 trở lên (cách tính điểm thường thành tích nghiên cứu khoa học được quy định tại Khoản 2 Điều 28 Quy chế Đào tạo sau đại học ở ĐHQGHN);

3. Đạt điều kiện về môn ngoại ngữ tuyển sinh đào tạo tiến sĩ ở ĐHQGHN tại thời điểm xét hồ sơ;

4. Có nguyện vọng, nộp hồ sơ hợp lệ đúng thời hạn, được Trường Đại học Ngoại ngữ và ĐHQGHN chấp nhận (xem Phụ lục 4 kèm theo dưới đây).

Sinh viên tốt nghiệp hệ chính quy của các cơ sở đào tạo đại học không thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội nhưng có uy tín về chất lượng đào tạo của ngành đã học cũng có thể được xét chuyển tiếp sinh đào tạo tiến sĩ theo các điều kiện như đối với sinh viên của Trường Đại học Ngoại ngữ.

Thời hạn nộp hồ sơ chuyển tiếp sinh năm 2017:

Đối với sinh viên tốt nghiệp trong năm 2016: **Trước ngày 03/03/2017**

### **3.4. Các điều kiện khác**

Thí sinh cần có lý lịch rõ ràng, có đủ sức khỏe để học tập, không trong thời gian bị kỷ luật, v.v...

## **4. Nội dung thi tuyển đào tạo thạc sĩ và xét tuyển đào tạo tiến sĩ**

### **4.1. Các môn thi tuyển sinh đào tạo thạc sĩ**

‘c, *Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Nhật Bản; Ngôn ngữ Đức* (dạng thức môn thi xem phụ lục 5 đính kèm dưới đây).

2. Môn cơ sở: *Năng lực sử dụng tiếng Anh, Năng lực sử dụng tiếng Nga, Năng lực sử dụng tiếng Pháp, Năng lực sử dụng tiếng Trung Quốc, Năng lực sử dụng tiếng Nhật hoặc Năng lực sử dụng tiếng Đức* (thi 02 phần, phần 1: Đọc hiểu, Từ vựng - Ngữ pháp, Viết luận; phần 2: Vấn đáp) (dạng thức môn thi xem phụ lục 6 đính kèm dưới đây).

3. Môn *Ngoại ngữ thứ 2*: Chọn một trong các tiếng Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc hoặc Ả Rập (dạng thức môn thi xem phụ lục 7 đính kèm dưới đây).

Thí sinh được miễn thi môn Ngoại ngữ thứ 2 nếu đảm bảo một trong các điều kiện sau:

a) Có bằng, chứng chỉ Ngoại ngữ còn thời hạn giá trị được ĐHQGHN công nhận theo quy định tại Khoản 3, Điều 9 Quy chế đào tạo Thạc sĩ số 4668/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/ 12/ 2014 của ĐHQGHN (gọi tắt là Quy chế 4668). Cụ thể như sau:

b) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng hoặc bằng tốt nghiệp đại học chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, chương trình đào tạo tài năng, chương trình đào tạo chất lượng cao của Đại học Quốc gia Hà Nội;

d) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

e) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ được quy định tại Khoản 4, Điều 29 Quy chế 4668, được Trường Đại học Ngoại ngữ thẩm định về tính xác thực của chứng chỉ ngoại ngữ do các tổ chức nước ngoài cấp trước khi công nhận tương đương;

### **4.2. Xét tuyển đào tạo tiến sĩ**

Các chuyên ngành: LL & PP dạy học bộ môn tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh; LL & PP dạy học bộ môn tiếng Nga, Ngôn ngữ Nga; LL & PP dạy học bộ môn tiếng Pháp, Ngôn ngữ Pháp; LL & PP dạy học bộ môn tiếng Trung Quốc, Ngôn ngữ Trung Quốc

Thí sinh cần có các điều kiện sau để được xét tuyển đào tạo tiến sỹ:

1. Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc thạc sỹ ngành ngoại ngữ được đào tạo trong nước hoặc ở nước ngoài;
2. *Ngoại ngữ thứ 2*: Thí sinh cần có một trong những điều kiện sau đây về ngoại ngữ thứ 2:
  - + Có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam, trong thời hạn 2 năm tính từ ngày dự thi lấy chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi được cấp bởi cơ sở được ĐHQGHN công nhận của một trong các thử tiếng Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc hoặc Ả Rập (có trong danh mục ở Phụ lục 8 và 9 kèm theo dưới đây).
  - + Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, nộp kèm theo văn bản công nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng Giáo dục, Bộ GD&ĐT.
  - + Có bằng đại học một ngành ngoại ngữ được đào tạo trong nước (Tiếng Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc hoặc Ả Rập) phù hợp với môn thi Ngoại ngữ thứ 2.
3. Bảo vệ hồ sơ chuyên môn theo từng chuyên ngành.

### **4.3. Điểm xét tuyển và điểm chuẩn**

#### **4.2.1. Điểm xét tuyển và điểm chuẩn thi tuyển sinh đào tạo thạc sỹ**

*Điểm xét tuyển*: Để được trong diện xét tuyển, thí sinh phải đạt điểm 5 trở lên (theo thang điểm 10) ở các môn thi cơ bản và cơ sở; đạt 50 điểm trở lên (theo thang điểm 100) ở môn Ngoại ngữ thứ 2 (nếu không được miễn thi ngoại ngữ thứ 2).

*Điểm chuẩn*: Được xác định căn cứ trên chỉ tiêu đào tạo được giao và bằng cách tính tổng điểm thi các môn (trừ Ngoại ngữ thứ 2) của từng thí sinh từ cao nhất trở xuống cho từng ngành, chuyên ngành.

#### **4.2.1. Xét tuyển đào tạo tiến sỹ**

Thí sinh được xét tuyển vào học tiến sỹ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc thạc sỹ ngành ngoại ngữ được đào tạo ở nước ngoài;
- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ thứ 2 tương đương bậc 3/6 còn thời hạn giá trị (2 năm kể từ ngày thi đến ngày đăng ký dự tuyển) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Có hồ sơ chuyên môn được đánh giá ở mức 55 điểm trở lên.

### **4.4. Tài liệu hướng dẫn ôn thi**

Thí sinh có thể xem đề cương và dạng thức đề thi của các môn thi trong phụ lục kèm theo thông báo này.

### **4.5. Xét tuyển người nước ngoài vào học tại ĐHQGHN**

Việc xét tuyển người nước ngoài vào học các chương trình đào tạo sau đại học của ĐHNN-ĐHQGHN thực hiện theo Quy định về việc xét tuyển người nước ngoài vào học tại ĐHQGHN ban hành kèm theo Quyết định số 4299/QĐ-ĐHQGHN ngày 30/10/2015 của Giám đốc ĐHQGHN.

## **5. Đăng ký dự thi:**

Năm 2017, việc đăng ký dự thi được thực hiện trực tuyến.

Nhiệm vụ của thí sinh:

- Truy cập vào cổng đăng ký tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ: <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng ký dự thi trực tuyến theo hướng dẫn. Thí sinh phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo. **Thời gian đăng ký: từ 8h00 ngày 27/03/2017 đến 17h00 ngày 09/04/2017.**

**Lưu ý: Thí sinh không đăng ký qua mạng sẽ không đủ điều kiện để dự thi tuyển sinh**

## **6. Nội lệ phí dự thi:**

**6.1. Thời hạn nộp:** Từ 8h00 ngày 01/03 đến 17h00 ngày 09/4 năm 2017

**6.2. Phương thức nộp:** Trực tiếp hoặc chuyển khoản

**6.2.1. Nộp lệ phí trực tiếp tại** Phòng Kế hoạch - Tài chính, phòng 202 nhà A1, Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐHQGHN, đường Phạm Văn Đồng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

**6.2.2. Chuyển khoản:**

Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN

Số tài khoản: 1507201059468

Ngân hàng: Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy, Hà Nội

Khi chuyển khoản ghi rõ các thông tin sau: Họ tên; Ngày sinh; Lệ phí dự thi Thạc sỹ hoặc Tiến sỹ

**6.3. Lệ phí:**

- **Thạc sỹ: 420.000 đồng** (Phí đăng ký: 60.000đ; Phí dự thi: 120.000 đồng/thí sinh/môn)

*Lưu ý:* Thí sinh dự thi đào tạo bậc thạc sỹ thuộc đối tượng miễn thi môn ngoại ngữ được giảm lệ phí dự thi **50.000 đồng/thí sinh**. Khoản lệ phí còn lại cần nộp để Hội đồng tuyển sinh thực hiện các thủ tục thẩm định hồ sơ của thí sinh và tổ chức kỳ thi.

- **Tiến sỹ: 200.000 đồng/thí sinh.**

**7. Hồ sơ dự thi:**

**7.1. Nội dung hồ sơ:**

**Thí sinh dự thi Thạc sỹ nộp hồ sơ sau khi có kết quả trúng tuyển. Thí sinh đăng ký xét tuyển Tiến sỹ nộp hồ sơ khi đăng ký.**

Hồ sơ dự thi cần có các giấy tờ sau:

1. **Phiếu đăng ký dự thi** cao học/ nghiên cứu sinh năm 2017 (có mẫu).
2. **Sơ yếu lý lịch** viết năm 2017 có xác nhận của nơi làm việc hay chính quyền địa phương.
3. **Giấy chứng nhận sức khỏe** do một Bệnh viện đa khoa cấp năm 2017.
4. Bản sao công chứng **Bảng tốt nghiệp đại học, Bảng điểm đại học, Bảng thạc sỹ và Bảng điểm cao học (02 văn bằng sau chỉ áp dụng đối với thí sinh là thạc sỹ dự tuyển đào tạo tiến sỹ).**
5. **Danh mục và bản sao các công trình khoa học** đã được công bố có chứa đầy đủ nội dung bài viết của tác giả, trang bìa và trang mục lục của sách hay số tạp chí (**chỉ áp dụng đối với thí sinh dự thi nghiên cứu sinh**).
6. **Bài luận về dự định nghiên cứu và hai thư giới thiệu** của các nhà khoa học (**chỉ áp dụng đối với thí sinh dự thi nghiên cứu sinh**).
7. **Các giấy tờ pháp lý về đối tượng ưu tiên** (nếu có) (xem Phụ lục 4 của Thông báo).
8. **Các giấy tờ pháp lý để xác nhận về thâm niên nghề nghiệp** (bản sao công chứng quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn kèm theo Công văn xác nhận thời gian công tác của thủ trưởng cơ quan sử dụng nhân lực để chứng nhận thâm niên công tác) (**chỉ áp dụng đối với thí sinh dự thi nghiên cứu sinh**).
9. **Các văn bằng, chứng chỉ hợp lệ để được miễn thi môn Ngoại ngữ thứ 2** (nếu có đối với Thạc sỹ, bắt buộc đối với Tiến sỹ).
10. **Công văn cử đi dự thi** của cơ quan quản lý có thẩm quyền quyết định nhân sự (đối với các đối tượng đang làm việc trong biên chế hoặc hợp đồng của các cơ quan trong và ngoài nhà nước).

11. 03 ảnh 4 x 6 (có ghi tên và ngày tháng năm sinh sau ảnh) và 03 phong bì (có dán sẵn tem và đã ghi địa chỉ rõ ràng và chính xác của thí sinh, có ghi số điện thoại để liên hệ). Tất cả các giấy tờ trên cho vào túi hồ sơ khổ 28 x 32 (phát hành tại Khoa SDH). Không nhận hồ sơ thiếu các giấy tờ cần thiết như quy định ở trên. Không hoàn trả hồ sơ đã nộp.

**7.2. Địa điểm nộp hồ sơ (Thí sinh dự thi Thạc sĩ nộp hồ sơ sau khi có kết quả trúng tuyển. Thí sinh đăng ký xét tuyển Tiến sĩ nộp hồ sơ khi đăng ký)**

Văn phòng Khoa Sau đại học, phòng 102 nhà A3, Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐHQGHN, đường Phạm Văn Đồng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

#### **8. Xem danh sách phòng thi**

Thí sinh xem danh sách phòng thi, số báo danh và địa điểm thi tại địa chỉ <http://saudaihoc.ulis.vnu.edu.vn> mục **Tuyển sinh** (Trường không gửi giấy báo dự thi). Thời gian: **Từ ngày 08/4 năm 2017**

Nếu phát hiện sai sót cần báo ngay cho Hội đồng Tuyển sinh sau đại học tại địa chỉ phòng 102 nhà A3, hoặc theo số điện thoại (04)-66806770 trước ngày tổ chức thi tuyển.

**9. Thời gian công bố kết quả thi:** Trước ngày 12/5/2017

**10. Thời gian ra quyết định trúng tuyển và khai giảng khóa học:** Trước 14/7/2017

**Ghi chú:** Trong quá trình đăng ký dự thi, nếu thí sinh có vướng mắc cần giải đáp vui lòng gọi đến số (04)-66806770 hoặc (04)-37.547.435

Trân trọng thông báo.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: HCTH, SDH, Nh.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Ngô Minh Thủy**

**PHỤ LỤC 1**  
**CHỈ TIÊU TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 1 NĂM 2017**

**Đơn vị đào tạo:** Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN

**1. Trình độ thạc sĩ**

<i>TT</i>	<i>Ngành đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành đào tạo</i>	<b>Chỉ tiêu đợt 1.2017</b>
1.	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	<b>20</b>
2.		Lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Anh	<b>65</b>
	<b>Tổng số</b>		<b>85</b>

**2. Trình độ tiến sĩ**

<i>TT</i>	<i>Chuyên ngành đào tạo</i>	<b>Đợt 1</b>
1.	LL&PP dạy học bộ môn tiếng Anh	5
2.	LL&PP dạy học bộ môn tiếng Nga	1
3.	LL&PP dạy học bộ môn tiếng Pháp	1
4.	LL&PP dạy học bộ môn tiếng Trung	1
5.	Ngôn ngữ Anh	5
6.	Ngôn ngữ Nga	
7.	Ngôn ngữ Pháp	1
8.	Ngôn ngữ Trung	1
	<b>Tổng số</b>	<b>30</b>

**Lưu ý:** Trên đây là chỉ tiêu do ĐHQGHN tạm giao cho ĐHNN-ĐHQGHN tính đến thời điểm ra thông báo tuyển sinh này.



## PHỤ LỤC 2

### **YÊU CẦU VỀ GIẤY TỜ HỢP PHÁP VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (Nộp bản sao công chứng chứng nhận và xuất trình bản gốc để đối chiếu)**

Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 (theo bảng phân chia khu vực tuyển sinh THPT quốc gia hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;
- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1;
- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- Con liệt sĩ;
- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

*Lưu ý:* Việc xác định đối tượng ưu tiên phải được thực hiện tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

## PHỤ LỤC 3

### DANH MỤC LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU DỰ ĐỊNH NHẬN NCS VÀ DANH SÁCH CÁN BỘ KHOA HỌC CÓ THỂ HƯỚNG DẪN NCS

1. Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh:

<i>TT</i>	<i>Hướng nghiên cứu</i>	<i>Giảng viên có thể hướng dẫn</i>	<i>Số NCS có thể nhận</i>
1	Phân tích diễn ngôn Phân tích diễn ngôn phê phán	GS.TS. Nguyễn Hòa PGS.TS. Vũ Thị Thanh Hương PGS.TS. Phan Văn Quế PGS.TS. Vũ Ngọc Tú PGS.TS. Tôn Nữ Mỹ Nhật PGS.TS. Phạm Thị Hồng Nhung PGS.TS. Ngô Hữu Hoàng	1 - 3
2	Giao tiếp giao văn hóa	GS.TS. Nguyễn Quang PGS.TS. Ngô Hữu Hoàng PGS.TS. Nguyễn Văn Trào PGS.TS. Trần Xuân Điệp	1 - 3
3	Ngữ pháp chức năng	GS.TS. Hoàng Văn Vân PGS.TS. Vũ Thị Thanh Hương PGS.TS. Trần Văn Phước	1 - 3
4	Nghiên cứu dịch thuật	PGS.TS. Lê Hùng Tiến PGS.TS. Lâm Quang Đông GS.TS. Hoàng Văn Vân	1 - 3
5	Ngữ nghĩa học	GS.TS. Nguyễn Quang PGS.TS. Võ Đại Quang GS.TS. Hoàng Văn Vân	1 - 3
6	Văn học Ngôn ngữ văn học	GS.TS. Nguyễn Hòa PGS.TS. Phan Văn Quế PGS.TS. Nguyễn Xuân Thơm	1 - 3
7	Ngôn ngữ học tri nhận	PGS.TS. Nguyễn Văn Trào PGS.TS. Ngô Xuân Phương PGS.TS. Nguyễn Hữu Độ PGS.TS. Trần Văn Phước GS.TS. Hoàng Văn Vân	1 - 3
8	Tiếng Anh toàn cầu	GS.TS. Nguyễn Hòa GS.TS. Hoàng Văn Vân GS.TS. Nguyễn Quang PGS.TS. Ngô Hữu Hoàng	1 - 3
9	Dụng học Dụng học giao văn hóa	GS.TS. Nguyễn Quang PGS.TS. Ngô Hữu Hoàng PGS.TS. Kiều Thị Thu Hương	1 - 3
10	So sánh đối chiếu các ngôn ngữ	GS.TS. Nguyễn Quang PGS.TS. Võ Đại Quang PGS.TS. Nguyễn Hữu Độ	1 - 3

2. Chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh:

<i>TT</i>	<i>Hướng nghiên cứu</i>	<i>Giảng viên có thể hướng dẫn</i>	<i>Số NCS có thể nhận</i>
1	<p><b>Những vấn đề liên quan đến người học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực làm việc của người học trong môi trường xã hội đa dạng, nhằm đạt được mục đích cá nhân và giao tiếp trong môi trường đa văn hóa</li> <li>- Việc hình thành căn tính của người học trong quá trình học ngoại ngữ</li> <li>- Tác động của khát vọng học tiếng Anh tới kết quả học tập</li> <li>- Các yếu tố xã hội-nhận thức tác động đến động lực học của học sinh</li> </ul>	PGS.TS. Lê Văn Canh PGS.TS. Lê Hùng Tiến	1 - 3
2	<p><b>Những vấn đề liên quan đến phát triển nghiệp vụ của giáo viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vai trò của việc đào tạo và bồi dưỡng giáo viên đến phương pháp giảng dạy của họ</li> <li>- Những phương pháp phát triển năng lực nghiệp vụ do giáo viên tự xây dựng</li> <li>- Vai trò của sự hỗ trợ từ cộng đồng học tập đối với việc nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh / năng lực chuyên môn của giáo viên không phải người bản ngữ</li> <li>- Vai trò của giảng dạy có suy tư (chiêm nghiệm) đối với việc phát triển năng lực chuyên môn của giáo viên</li> <li>- Việc kiến tạo, tái kiến tạo căn tính nghề nghiệp của giáo viên</li> <li>- Tác động của việc tham gia nghiên cứu cải tiến phương pháp sư phạm đối với việc phát triển năng lực chuyên môn của giáo viên</li> </ul>	GS.TS. Nguyễn Hòa PGS.TS. Lê Văn Canh PGS.TS. Lê Hùng Tiến PGS.TS. Ngô Hữu Hoàng	1 - 3
3	<p><b>Những vấn đề liên quan đến chính sách ngôn ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tác động của chính sách ngôn ngữ và việc thực thi chính sách đó đối với phương pháp dạy học trên lớp của giáo viên</li> <li>- Những thách thức trong việc thực thi chủ trương dạy học theo chuẩn năng lực</li> <li>- Tác động của chính sách sử dụng tiếng Anh để dạy các môn khoa học đối với kết quả học tập của học sinh</li> </ul>	GS.TS. Nguyễn Hòa GS.TS. Hoàng Văn Vân PGS.TS. Lê Văn Canh PGS.TS. Lê Hùng Tiến	1 - 3
4	<p><b>Những vấn đề liên quan đến sử dụng công nghệ trong dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những chiến lược học sinh và giáo viên dùng để sử dụng công nghệ nhằm tiếp cận với ngôn ngữ tự nhiên</li> <li>- Những chiến lược giáo viên sử dụng công nghệ để phát triển nghiệp vụ và hiệu quả của những chiến lược đó</li> <li>- Sử dụng công nghệ để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cho học sinh</li> </ul>	GS.TS. Hoàng Văn Vân PGS.TS. Lê Văn Canh PGS.TS. Lê Hùng Tiến	1 - 3

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vai trò của công nghệ (ví dụ Google docs, blogging, v,v,) trong việc khuyến khích việc tự đánh giá đồng đẳng trong học sinh</li> <li>- Tác động của việc kết hợp phương pháp dạy học truyền thống với phương pháp dạy học có sử dụng công nghệ đối với việc hình thành năng lực học độc lập</li> </ul>		
5	<p><b>Những vấn đề liên quan đến dạy học liên văn hóa:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Niềm tin và thực tế giảng dạy của giáo viên về đường hướng dạy ngoại ngữ liên văn hóa</li> <li>- Vai trò của văn hóa quần chúng trong việc thúc đẩy học ngoại ngữ</li> <li>- Phát triển các kỹ năng của thế kỷ 21 cho người học qua giáo dục ngoại ngữ</li> </ul>	<p>GS.TS. Nguyễn Quang GS.TS. Hoàng Văn Vân PGS.TS. Lê Văn Canh PGS.TS. Lê Hùng Tiến PGS.TS. Ngô Hữu Hoàng PGS.TS. Nguyễn Văn Trào</p>	1 - 3
6	<p><b>Những vấn đề liên quan đến thực tế giảng dạy trên lớp của giáo viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp nhận xét phản hồi của giáo viên đối với kết quả học tập của học sinh</li> <li>- Những đường hướng nhận xét sửa lỗi cho học sinh theo lý thuyết tri nhận - xã hội</li> <li>- Niềm tin và thực tế thực hiện về việc đánh giá kết quả học tập của học sinh trong giờ học</li> <li>- Tác động của việc dạy các ngữ cố định đối với kết quả học tập của học sinh</li> <li>- Lòng ghép mục tiêu giáo dục công dân toàn cầu vào giờ học tiếng Anh</li> <li>- Thực hiện phương pháp sư phạm phản biện xã hội trong lớp học ngoại ngữ</li> <li>- Những cải tiến về phương pháp giáo viên sử dụng để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ/ từ vựng/ngữ pháp cho học sinh</li> </ul>	<p>PGS.TS. Lê Hùng Tiến PGS.TS. Lê Văn Canh PGS.TS. Võ Đại Quang PGS.TS. Ngô Xuân Phương</p>	1 - 3
7	<p><b>Những vấn đề liên quan để tư liệu giảng dạy/ sách giáo khoa:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá sách giáo khoa theo lý thuyết phương pháp sư phạm phản biện xã hội</li> <li>- Đánh giá sách giáo khoa theo lý thuyết liên văn hóa</li> <li>- Niềm tin của giáo viên về vai trò của sách giáo khoa và thực tế sử dụng sách giáo khoa trong lớp học</li> </ul>	<p>PGS.TS. Lê Văn Canh PGS.TS. Lê Hùng Tiến</p>	1 - 3

### 3. Chuyên ngành Ngôn ngữ Pháp:

<i>TT</i>	<i>Hướng nghiên cứu</i>	<i>Giảng viên có thể hướng dẫn</i>	<i>Số NCS có thể nhận</i>
1	<p><b>Lĩnh vực ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa:</b></p> <p>Nghiên cứu so sánh, đối chiếu các hiện tượng ngôn ngữ như phát âm, ngữ điệu, các</p>	<p>PGS.TS. Nguyễn Lâm Trung PGS.TS. Nguyễn Quang Thuần PGS.TS. Trần Đình Bình PGS.TS. Vũ Xuân Đoàn</p>	1 - 3

	loại từ, các hiện tượng ngữ pháp, các hiện tượng ngữ nghĩa	PGS.TS. Đường Công Minh PGS.TS. Nguyễn Văn Dung PGS.TS. Nguyễn Ngọc Lưu Ly	
2	<b>Lĩnh vực ngữ dụng:</b> Nghiên cứu so sánh đối chiếu các hành động ngôn ngữ, các kịch bản giao tiếp, các mối quan hệ liên nhân, các phương thức lịch sự...	PGS.TS. Trịnh Đức Thái PGS.TS. Nguyễn Quang Thuần PGS.TS. Trần Đình Bình PGS.TS. Đinh Hồng Vân PGS.TS. Nguyễn Văn Dung PGS.TS. Nguyễn Lâm Trung	1 - 3
3	<b>Giao tiếp liên văn hóa:</b> Nghiên cứu so sánh, đối chiếu các hiện tượng văn hóa, các biến thể văn hóa, các phương pháp phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa	PGS.TS. Nguyễn Lâm Trung PGS.TS. Trịnh Đức Thái PGS.TS. Trần Đình Bình PGS.TS. Nguyễn Thị Bình PGS.TS. Đinh Hồng Vân PGS.TS. Đường Công Minh PGS.TS. Trịnh Văn Minh	1 - 3
4	<b>Dịch thuật:</b> Nghiên cứu các loại hình dịch thuật, so sánh các văn bản dịch với bản gốc, các thủ thuật ngôn ngữ trong dịch thuật	PGS.TS. Đinh Hồng Vân PGS.TS. Trịnh Đức Thái PGS.TS. Trần Đình Bình PGS.TS. Vũ Văn Đại	1 - 3
5	<b>Văn học, văn hóa:</b> Nghiên cứu các phương thức, thủ thuật ngôn ngữ trong quá trình xây dựng văn bản văn học, xây dựng nhân vật	PGS.TS. Nguyễn Văn Dung PGS.TS. Nguyễn Thị Bình	1 - 3

4. Chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Pháp:

<i>TT</i>	<i>Hướng nghiên cứu</i>	<i>Giảng viên có thể hướng dẫn</i>	<i>Số NCS có thể nhận</i>
1	Nghiên cứu cơ bản các khái niệm và lĩnh vực có liên quan đến việc dạy - học tiếng Pháp	PGS.TS. Nguyễn Lâm Trung PGS.TS. Nguyễn Quang Thuần PGS.TS. Trần Đình Bình PGS.TS. Trịnh Văn Minh	1 - 3
2	Những thành tố của Quan điểm hành động trong Giáo học pháp ngoại ngữ hiện nay	PGS.TS. Nguyễn Lâm Trung PGS.TS. Nguyễn Quang Thuần PGS.TS. Trần Đình Bình PGS.TS. Trịnh Văn Minh PGS.TS. Nguyễn Ngọc Lưu Ly	1 - 3
3	Lý thuyết thụ đắc Ngôn ngữ và Phương pháp dạy và học tiếng Pháp cho đối tượng đặc thù (trẻ em, người lớn tuổi...)	PGS.TS. Nguyễn Lâm Trung PGS.TS. Nguyễn Quang Thuần PGS.TS. Trần Đình Bình PGS.TS. Trịnh Văn Minh PGS.TS. Đường Công Minh	1 - 3
4	Đa ngữ (plurilinguisme) và vấn đề dạy - học ngoại ngữ thứ 2	PGS.TS. Nguyễn Lâm Trung PGS.TS. Nguyễn Quang Thuần PGS.TS. Trần Đình Bình PGS.TS. Trịnh Văn Minh PGS.TS. Đường Công Minh	1 - 3
6	Lý thuyết các ngành khoa học liên ngành và việc dạy - học các hành động ngôn từ	PGS.TS. Nguyễn Lâm Trung PGS.TS. Nguyễn Quang Thuần PGS.TS. Trần Đình Bình PGS.TS. Trịnh Văn Minh	1 - 3

		PGS.TS. Đường Công Minh	
7	Giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ dưới ánh sáng của các lý thuyết mới	PGS.TS. Nguyễn Lâm Trung PGS.TS. Nguyễn Quang Thuần PGS.TS. Trần Đình Bình PGS.TS. Trịnh Văn Minh PGS.TS. Đường Công Minh	1 - 3

5. Chuyên ngành Ngôn ngữ Nga:

<i>TT</i>	<i>Hướng nghiên cứu</i>	<i>Giảng viên có thể hướng dẫn</i>	<i>Số NCS có thể nhận</i>
1	<b>Thành ngữ:</b> - Đặc điểm ngữ nghĩa-từ vựng của thành ngữ Nga liên quan đến các phần riêng biệt của cơ thể người từ góc độ của người nói tiếng Việt. - Đặc điểm ngữ nghĩa-từ vựng của thành ngữ Nga liên quan đến việc cảm nhận hiện thực khách quan của người Nga. - Đặc điểm ngữ nghĩa-từ vựng của thành ngữ Nga liên quan đến hoạt động của con người dưới góc độ đối chiếu với tiếng Việt.	PGS.TS. Nguyễn Quý Mão PGS.TS. Lưu Bá Minh PGS.TS. Nguyễn Hữu Chinh TSKH. Lê Đức Thụ PGS.TS. Vũ Thị Chín	1 - 3
2	<b>Từ vựng học:</b> - Đặc điểm ngôn ngữ - văn hóa của các nhóm từ vựng ngữ nghĩa trong các lĩnh vực khác nhau như: A. Thương mại B. Hợp đồng C. Quân sự D. Lễ hội, tập tục, truyền thống E. Biểu hiện tên gọi địa lí, tên người Nga, màu sắc, các hiện tượng thiên nhiên	PGS.TS. Nguyễn Quý Mão PGS.TS. Lưu Bá Minh PGS.TS. Nguyễn Hữu Chinh	1 - 3
3	<b>Các quan hệ ngữ nghĩa:</b> - Quan hệ không gian trong tiếng Nga - Quan hệ tính ngữ trong tiếng Nga - Quan hệ đối lập trong tiếng Nga - Quan hệ nhượng bộ trong tiếng Nga	PGS.TS. Nguyễn Quý Mão PGS.TS. Lưu Bá Minh PGS.TS. Nguyễn Hữu Chinh PGS.TS. Nguyễn Xuân Hòa	1 - 3
4	<b>Cú pháp:</b> - Đặc điểm cấu trúc ngữ nghĩa và đối chiếu các loại câu khác nhau của 2 ngôn ngữ Nga Việt, ví dụ như câu vô nhân xưng, câu nhân xưng khái quát, câu cầu khiến. - Liên từ và chữ liên từ dùng trong các cấu trúc câu khác nhau với các sắc thái ngữ nghĩa khác nhau.	PGS.TS. Bùi Hiền PGS.TS. Lưu Bá Minh PGS.TS. Nguyễn Hữu Chinh PGS.TS. Nguyễn Xuân Hòa	1 - 3

6. Chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Nga:

<i>TT</i>	<i>Hướng nghiên cứu</i>	<i>Giảng viên có thể hướng dẫn</i>	<i>Số NCS có thể nhận</i>
1	Nghiên cứu việc xây dựng (hoặc cải tiến)	GS.TS. Đỗ Đình Tổng	1 - 3

	phương pháp, thủ pháp dạy - học một (hoặc hơn một) kỹ năng tiếng Nga (Nói, Nghe, Đọc, Viết, Dịch) phù hợp điều kiện của cơ sở đào tạo dựa trên một giáo trình, sách giáo khoa cụ thể đang lưu hành.	GS.TS. Dương Đức Niệm PGS.TS. Vũ Thị Chín	
2	Xây dựng giáo trình cho một khóa học kèm theo phương pháp, thủ pháp dạy - học cho một đối tượng người học cụ thể.	GS.TS. Đỗ Đình Tổng GS.TS. Dương Đức Niệm	1 - 3
3	Xây dựng tài liệu bổ trợ cho một kỹ năng tiếng Nga (Nói, Nghe, Đọc, Viết, Dịch) theo một giáo trình, sách giáo khoa cụ thể đang lưu hành.	PGS.TS. Lưu Bá Minh GS.TS. Đỗ Đình Tổng GS.TS. Dương Đức Niệm	1 - 3
4	Xây dựng mới (hoặc cải tiến) phương pháp, thủ pháp dạy-học một (hoặc hơn một) bình diện kiến thức (Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp, Đất nước học) tiếng Nga cho một giai đoạn dạy-học cụ thể với đối tượng người Việt Nam.	PGS.TS. Nguyễn Hữu Chinh PGS.TS. Nguyễn Xuân Hòa GS.TS. Đỗ Đình Tổng PGS.TS. Bùi Hiền	1 - 3
5	Khảo sát, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, đề xuất áp dụng hệ phương pháp, thủ pháp mới để cải tiến, nâng cao hiệu quả của một khóa học tiếng Nga.	PGS.TS. Vũ Thị Chín PGS.TS. Nguyễn Hữu Chinh PGS.TS. Lưu Bá Minh GS.TS. Đỗ Đình Tổng	1 - 3
6	Nghiên cứu, tổng hợp, phân tích những quan điểm dạy học ngoại ngữ phổ quát và hiện đại để đề xuất mới cơ sở lý luận cho một phương pháp dạy học tiếng Nga phù hợp điều kiện của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập sâu.	PGS.TS. Nguyễn Văn Tư GS.TS. Đỗ Đình Tổng PGS.TS. Vũ Thị Chín	1 - 3
7	Các yếu tố đất nước học, văn hóa, xã hội, nghệ thuật và vai trò hình thành năng lực tiếng cho người Việt trong quá trình dạy học tiếng Nga.	PGS.TS. Nguyễn Quý Mão PGS.TS. Nguyễn Hữu Chinh GS.TS. Đỗ Đình Tổng PGS.TS. Bùi Hiền PGS.TS. Nguyễn Xuân Hòa	1 - 3
8	Sử dụng phương tiện kỹ thuật, các phương tiện dạy học khác nhau để hỗ trợ nâng cao hiệu quả dạy học tiếng Nga.	PGS.TS. Vũ Thị Chín PGS.TS. Nguyễn Văn Tư PGS.TS. Nguyễn Hữu Chinh PGS.TS. Nguyễn Xuân Hòa	1 - 3
9	Nghiên cứu các hình thức và cách tiến hành các hoạt động ngoại khóa trong và ngoài chương trình khóa học để hình thành năng lực giao tiếp bằng tiếng Nga.	PGS.TS. Lưu Bá Minh PGS.TS. Vũ Ngọc Vinh PGS.TS. Nguyễn Văn Tư PGS.TS. Phạm Kim Ninh	1 - 3

7. Chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc:

<i>TT</i>	<i>Hướng nghiên cứu</i>	<i>Giảng viên có thể hướng dẫn</i>	<i>Số NCS có thể nhận</i>
1	Nghiên cứu từ ngữ mới trong tiếng Hán với bối cảnh văn hoá, kinh tế, chính trị, xã hội Trung Quốc	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh GS.TS. Nguyễn Văn Khang PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Cẩm Tú Tài PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
2	Nghiên cứu cách sử dụng kính ngữ trong các văn bản giao dịch kinh tế, ngoại giao...	PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh	1 - 3

		PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	
3	Nghiên cứu đối chiếu cách dùng từ ngữ giữa Đài Loan và Trung Quốc đại lục	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Cẩm Tú Tài PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
4	Nghiên cứu đối chiếu các nhóm hư từ đồng nghĩa giữa tiếng Hán và tiếng Việt	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh GS.TS. Nguyễn Văn Khang PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Cẩm Tú Tài PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
5	Nghiên cứu đối chiếu cách biểu đạt phạm trù không gian, thời gian giữa tiếng Hán và tiếng Việt	GS.TS. Nguyễn Văn Khang PGS.TS. Cẩm Tú Tài PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
6	Nghiên cứu đối chiếu các từ ngữ văn hoá biểu đạt cùng một phạm trù giữa tiếng Hán và tiếng Việt	PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Cẩm Tú Tài PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
7	Nghiên cứu đối chiếu các thể thức giao tiếp giữa tiếng Hán và tiếng Việt	PGS.TS. Cẩm Tú Tài GS.TS. Nguyễn Văn Khang PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
8	Nghiên cứu đánh giá về các vấn đề dùng từ, chuyển đổi kết cấu trong các bản dịch song ngữ Hán - Việt	PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Cẩm Tú Tài PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh GS.TS. Nguyễn Văn Khang PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
9	Phân tích, đánh giá và bổ sung nội dung vào các từ điển song ngữ Hán - Việt	GS.TS. Nguyễn Văn Khang PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
10	Vận dụng các kết quả đối chiếu ngôn ngữ Hán Việt trong thiết kế giáo trình giảng dạy tiếng Hán cho người Việt Nam	PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Cẩm Tú Tài PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3

8. Chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Trung Quốc:

<i>TT</i>	<i>Hướng nghiên cứu</i>	<i>Giảng viên có thể hướng dẫn</i>	<i>Số NCS có thể nhận</i>
1	Nghiên cứu phương pháp giảng các kĩ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết (với những đối tượng cụ thể)	PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Cẩm Tú Tài PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
2	Nghiên cứu phương pháp giảng dạy các môn Lí thuyết (Đất nước học, Văn học, Lý thuyết tiếng, tiếng Hán chuyên ngành...)	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Cẩm Tú Tài PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
3	Nghiên cứu phương pháp giảng dạy chữ Hán (với những đối tượng cụ thể)	PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Cẩm Tú Tài PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
4	Nghiên cứu phương pháp giảng dạy dịch gồm Hán - Việt, Việt - Hán; dạy dịch nói,	PGS.TS. Cẩm Tú Tài PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm	1 - 3



	dạy dịch viết từng/ các giai đoạn	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	
5	Nghiên cứu lỗi sai của học sinh (sinh viên) từng cấp và từng hình thức đào tạo về Từ vựng, Ngữ pháp, chữ Hán	PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Cầm Tú Tài PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
6	Nghiên cứu thực trạng và giải pháp giáo trình; thiết kế giáo trình; sử dụng giáo trình các cấp học, các giai đoạn	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Cầm Tú Tài PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
7	Nghiên cứu sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học các kỹ năng và các môn lý thuyết.	PGS.TS. Cầm Tú Tài PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
8	Nghiên cứu phương pháp tạo hứng thú trong học tập tiếng Hán của học sinh (sinh viên) với một hoặc một số kỹ năng và từng môn lý thuyết (Nhất là những môn xưa nay được coi là khô khan, khó gây hứng thú).	PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Cầm Tú Tài PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
9	Nghiên cứu thực trạng sử dụng tiếng Trung Quốc của học sinh, sinh viên Việt Nam (có thể chọn trong giao tiếp nói, viết, dịch...) và giải pháp đề xuất nâng cao chất lượng.	PGS.TS. Cầm Tú Tài PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3

## PHỤ LỤC 4

### HỒ SƠ CHUYỂN TIẾP SINH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ TỪ CỬ NHÂN

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .... /ĐHNN-SDH

V/v chuyển tiếp sinh đào tạo tiến sĩ từ cử nhân

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2017

Kính gửi: Trường các Khoa đào tạo

Thực hiện kế hoạch tuyển sinh sau đại học năm 2017, Hội đồng Tuyển sinh Sau đại học Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) xét tuyển chuyển tiếp sinh đào tạo tiến sĩ từ cử nhân đợt 1 năm 2017 đối với sinh viên tốt nghiệp sau tháng 6 năm 2016

Sinh viên tốt nghiệp đại học sau tháng 6 năm 2016 thuộc các ngành có đào tạo sau đại học, nếu đạt thành tích xuất sắc trong học tập và nghiên cứu khoa học, có thể được xét học chuyển tiếp ở bậc học tiến sĩ tại Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐHQGHN mà không cần tham dự kỳ thi tuyển sinh.

Hồ sơ chuyển tiếp sinh gồm các giấy tờ sau:

1. Đơn xin xét chuyển tiếp sinh của sinh viên tốt nghiệp (theo mẫu).
2. Đề nghị xét chuyển tiếp sinh của Khoa đào tạo.
3. Sơ yếu lý lịch (mới nhất).
4. Giấy chứng nhận sức khỏe do bệnh viện đa khoa cấp (mới nhất).
5. Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học (nếu đã được cấp) hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp hợp lệ.
6. Bảng điểm đại học toàn khoá.
7. Bản kê danh mục các công trình khoa học đã được công bố cùng bản sao chụp các công trình đó (bao gồm bài viết, trang bìa, trang mục lục sách hay tạp chí).
8. Đề cương nghiên cứu.
9. Bản sao có công chứng các giấy tờ xác nhận thành tích trong học tập và nghiên cứu khoa học.
10. Hai ảnh 4 x 6 (có ghi tên và ngày tháng năm sinh sau ảnh) và 03 phong bì (có dán tem, ghi rõ địa chỉ thí sinh, số điện thoại để liên hệ).

Thời hạn nộp hồ sơ chuyển tiếp sinh: Trước ngày 03/03/2017

Các mẫu Danh sách đề nghị chuyển tiếp sinh, Đơn xin xét chuyển tiếp sinh và nội dung Điều 28 Quy chế Đào tạo sau đại học ở ĐHQG Hà Nội được gửi kèm theo Công văn này.

Đề nghị các Khoa thông báo cho sinh viên sắp tốt nghiệp, tuyển chọn các sinh viên có đủ điều kiện chuyển tiếp đào tạo tiến sĩ, gửi danh sách và hồ sơ chuyển tiếp sinh về Trường qua Khoa Sau đại học trước ngày 03/03/2017.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: HCTH, SDH.N.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Ngô Minh Thủy**

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 201...

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CHUYÊN TIẾP SINH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ**  
**Đơn vị đề nghị: KHOA .....**

Kính gửi: Hội đồng Tuyển sinh sau đại học  
Khoa Sau đại học

Thực hiện kế hoạch tuyển sinh sau đại học năm 201..., Khoa ..... đề nghị Hội đồng Tuyển sinh sau đại học xét duyệt chuyên tiếp sinh đào tạo tiến sĩ đợt .... năm 201... theo danh sách như sau:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Hệ đào tạo	Điểm TBC môn Ngoại ngữ thứ hai	Điểm TBC toàn khoá học	Điểm thưởng thành tích NCKH	Ghi chú
1.	Nguyễn Văn A ...	18.05.1989 ...	Chất lượng cao ...	3.75 ...	3.67 ...	0.15 ...	
2.	...						

Tổng số sinh viên được đề nghị chuyên tiếp: .....

Xin gửi lời chào trân trọng.

**Trưởng Khoa**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

=====

**ĐƠN XIN XÉT CHUYỂN TIẾP SINH NĂM ...**

*(Dùng cho sinh viên đã tốt nghiệp)*

1. Họ và tên: ..... 2. Giới tính: .....
3. Ngày sinh: .....
4. Nơi sinh: .....
5. Địa chỉ liên lạc: .....

Số điện thoại: .....

6. Đã được đào tạo bậc đại học:

Tại Trường: .....

Ngành: .....

Năm tốt nghiệp: .....

Hệ đào tạo:

Cử nhân tài năng

Cử nhân chất lượng cao

Chính quy tập trung

(Khác).....

7. Xin đăng kí xét chuyển tiếp sinh đào tạo:

Bậc:           Đào tạo tiến sĩ

Tại: .....

Ngành: .....

Chuyên ngành: .....

*Hà Nội, ngày tháng năm*

**Người làm đơn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**PHỤ LỤC 5**

**DẠNG THỨC ĐỀ THI MÔN CƠ BẢN: NGÔN NGỮ ANH**  
**Dùng cho tuyển sinh đào tạo thạc sĩ các ngành Ngôn ngữ Anh**  
**và Sư phạm tiếng Anh tại Trường Đại học Ngoại ngữ**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- **Thời gian:** 120 phút
- **Số lượng câu hỏi:** 6
- **Các lĩnh vực kiểm tra/đánh giá:** theo chương trình đào tạo đại học hiện hành:
  - **Phần 1: Lí thuyết:** chiếm 50% tỉ trọng bài thi, bao gồm kiến thức cơ bản và năng lực tư duy về Ngôn ngữ Anh ở mức độ biết và hiểu (trong thang năng lực tư duy của Bloom)
  - **Phần 2: Thực hành:** chiếm 50% tỉ trọng bài thi, bao gồm kiến thức cơ bản và năng lực tư duy về Ngôn ngữ Anh hoặc về Lí luận & phương Anh giảng dạy bộ môn tiếng Anh ở mức độ áp dụng, phân tích, và tổng hợp (trong thang năng lực tư duy của Bloom).
- **Thang điểm:** 100 (4 câu 20 điểm và 2 câu 10 điểm)
- **Hình thức câu trả lời:** tự luận, có độ dài tối đa 200 từ.

**II. MA TRẬN NĂNG LỰC**

Câu	Năng lực (kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra)/ Mức độ tư duy trong thang năng lực tư duy của Bloom	Các hành động tương ứng	Điểm tối đa
1	<i>Biết</i> (nhớ và trình bày thông tin đã học dưới dạng tương tự)	Định nghĩa, liệt kê, nêu, ví dụ, ...	10
2&3	<i>Hiểu</i> (diễn dịch thông tin đã học theo cách hiểu của cá nhân)	Trình bày, miêu tả, ví dụ, tóm tắt, giải thích, phân biệt, ...	20 20
4	<i>Áp dụng</i> (áp dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề)	Minh họa, diễn dịch, biến đổi, ...	20
5	<i>Phân tích</i> (Phân chia kiến thức đã học thành những thành tố nhỏ hơn hoặc tìm bằng chứng cho các nhận định khái quát)	Phân tích, phân loại, so sánh, đối chiếu...	20
6	<i>Tổng hợp</i> (Kết tích hợp các kiến thức đơn lẻ thành các sản phẩm/ý tưởng/đề xuất tổng hợp)	Thiết kế, phát triển, lồng ghép, ...	10

**III. NỘI DUNG KIẾN THỨC**

## 1. Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

Dựa trên chương trình Ngôn ngữ Anh (khối kiến thức bắt buộc) trình độ đại học.

Học phần	Phân môn	Kiến thức cần nắm được
Dẫn luận ngôn ngữ học Anh 1	Ngữ âm	<ul style="list-style-type: none"><li>• The production of speech sounds</li><li>• Phonemes/allophones and syllables</li><li>• Stress, pitch, tone, intonation, tune</li></ul>
	Hình vị học	<ul style="list-style-type: none"><li>• Morphemes, morphs</li><li>• Basic word formation processes</li></ul>
	Cú pháp	<ul style="list-style-type: none"><li>• Parts of speech: closed system items vs. open class items</li><li>• Types of phrases: NP, VP, Adj.P, Prep.P.</li><li>• Types of clauses</li><li>• Types of sentences</li></ul>
	Ngữ nghĩa	<ul style="list-style-type: none"><li>• Basic semantic relations: antonymy, synonymy, metaphor, metonymy polysemy, homonymy</li></ul>
Dẫn luận ngôn ngữ học Anh 2	Ngữ dụng	<ul style="list-style-type: none"><li>• Presupposition</li><li>• Entailment</li><li>• Implicature</li><li>• Speech acts</li></ul>
	Phân tích diễn ngôn	<ul style="list-style-type: none"><li>• What is discourse analysis?</li><li>• Context vs co-text</li><li>• Coherence and cohesion</li><li>• Discourse structure</li></ul>

## 2. Chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh

Dựa trên chương trình Sư phạm tiếng Anh trình độ đại học và khung năng lực giáo viên ngoại ngữ Việt Nam.

- Các đường hướng/phương pháp dạy học ngoại ngữ
- Đặc điểm cá nhân của người học
- Vai trò của người dạy và người học
- Khung năng lực giáo viên ngoại ngữ Việt Nam
- Các thủ thuật và quy trình giảng dạy các kỹ năng và thành tố ngôn ngữ
- Một số vấn đề liên quan đến phát triển tài liệu giảng dạy và kiểm tra đánh giá

## IV. CẤU TRÚC ĐỀ THI

### Phần 1: Câu hỏi lí thuyết (chuyên ngành Ngôn ngữ Anh)

- **Mức 1: *Biết*:** Trình bày kiến thức ngôn ngữ cơ bản đã học dưới dạng tương tự/học thuộc lòng, ví dụ, nêu định nghĩa của 1 khái niệm ngôn ngữ đơn giản như âm vị/hình vị/câu đơn/câu phức, ....

- **Mức 2: *Hiểu***: Diễn dịch kiến thức ngôn ngữ cơ bản đã học theo cách hiểu của cá nhân; Không yêu cầu phải trình bày giống như trong giáo trình, ví dụ giải thích sự khác nhau giữa âm vị và âm tố; câu đơn và câu phức,...

## **Phần 2: Câu hỏi thực hành (chuyên ngành ngôn ngữ Anh và chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh)**

### **1. Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh**

- **Mức 3: *Áp dụng***: Áp dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề, ví dụ, tìm ra và nêu chức năng của các phương tiện liên kết trong 1 đoạn văn,...

- **Mức 4: *Phân tích***: Phân chia kiến thức đã học thành những thành tố nhỏ hơn hoặc tìm bằng chứng cho các nhận định khái quát, ví dụ, phân tích cấu trúc và chức năng của các mệnh đề trong 1 câu phức, tìm ra các mệnh đề phụ trong 1 câu phức,...

- **Mức 5: *Tổng hợp***: Kết tích hợp các kiến thức đơn lẻ thành các sản phẩm/ý tưởng/đề xuất tổng hợp, ví dụ: kết hợp các câu đơn thành 1 câu phức, ...

### **2. Chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh**

- **Mức 3: *Áp dụng***: Dựa vào các đặc điểm của người học để gợi ý hoạt động phù hợp/ giải quyết tình huống.

- **Mức 4: *Phân tích***: Đối chiếu với các vai trò của giáo viên đã cho, phân tích các vai trò của bản thân trong nhà trường/lớp học.

- **Mức 5: *Tổng hợp***: Thiết kế hoạt động dựa theo yêu cầu./.

# PHỤ LỤC 6

## ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

### DẠNG THỨC ĐỀ THI MÔN CƠ SỞ

Dùng cho tuyển sinh đào tạo thạc sĩ tại trường Đại học Ngoại ngữ

#### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Được sử dụng trong các kì thi tuyển sinh đào tạo thạc sĩ các chuyên ngành của Trường Đại học Ngoại ngữ.
2. Hình thức thi: trắc nghiệm, tự luận và trả lời phỏng vấn
3. Thang điểm: 200, sau đó quy về thang điểm 10
4. Cấu trúc bài thi gồm 2 phần:

- **Phần I: Đọc hiểu, từ vựng, ngữ pháp và viết luận**

Năng lực cần đánh giá	Số lượng nhiệm vụ	Số lượng câu hỏi	Hình thức thi	Thời gian làm bài (phút)	Điểm thành phần
Đọc hiểu, Từ vựng, Ngữ Pháp	03	30	Trắc nghiệm	50	90
Viết luận	01	01	Tự luận	40	60

- Tổng thời gian làm bài: 90 phút.

- Tổng điểm phần I: 150

- **Phần II: Phỏng vấn**

- Đánh giá kiến thức chung về chuyên ngành nghiên cứu, phẩm chất, năng lực nghiên cứu kết hợp đánh giá năng lực nghe, nói của thí sinh.

- Tổng thời gian thi: 10 phút.

- Tổng điểm phần II: 50.

#### II. NỘI DUNG MÔN THI

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU, TỪ VỰNG, NGỮ PHÁP, VIẾT LUẬN (150 điểm)**

##### I.1. ĐỌC HIỂU, TỪ VỰNG, NGỮ PHÁP (90 điểm)

**Bài 1: (10 câu hỏi) (30 điểm)**



- **Yêu cầu:** Đọc một đoạn văn bản và trả lời 10 câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn.
- **Đánh giá:** Kỹ năng đọc hiểu các thông tin cụ thể trong văn bản dài và phức tạp.
- **Ngữ liệu:** Văn bản dài 350-400 từ dưới hình thức quảng cáo, thông báo, báo cáo, biên bản ghi nhớ, bài báo, bản nhận xét, trích đoạn văn học, bài báo chuyên ngành, trích đoạn sách giáo khoa, sách tham khảo.

**Bài 2: (10 câu hỏi) (30 điểm)**

- **Yêu cầu:** Đọc 1 hoặc 2 đoạn văn và trả lời 10 câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn.
- **Đánh giá:** Kỹ năng đọc hiểu hàm ngôn và dẫn chiếu từ văn bản, thái độ và quan điểm của tác giả được nêu rõ hoặc ẩn ý trong văn bản; khả năng hiểu các chi tiết nhỏ, các miêu tả chi tiết của một quá trình phức tạp.
- **Ngữ liệu:** Văn bản dài 400-500 từ dưới hình thức bài báo, bản nhận xét, trích đoạn văn học, bài báo chuyên ngành, trích đoạn sách giáo khoa, sách tham khảo.

**Bài 3: (10 câu hỏi) (30 điểm)**

- **Yêu cầu:** Cho 1 đoạn văn có 10 chỗ trống, hoàn thành đoạn văn bằng cách chọn một từ/cụm từ trong 4 lựa chọn cho sẵn (ứng với mỗi chỗ trống).
- **Đánh giá:** Kỹ năng hiểu văn bản tổng thể để có thể điền từ/cụm từ phù hợp.
- **Ngữ liệu:** Văn bản dài 150-200 từ dưới hình thức trích đoạn từ sách giáo khoa, sách tham khảo, bài báo (trực tuyến) về hầu hết các chủ đề.

**I.2. VIẾT LUẬN (60 điểm)**

- **Yêu cầu:** Viết một bài luận có độ dài từ 250 đến 300 từ về một chủ đề cho trước.
- **Đánh giá:** Kỹ năng viết bài luận rõ ràng, mạch lạc về chủ đề phức tạp, nhấn mạnh những điểm quan trọng; kỹ năng viết một văn bản mở rộng và bảo vệ quan điểm bằng các lí lẽ và ví dụ hợp lí.
- **Ngữ liệu:** Chủ đề có tính trừu tượng, phức tạp.

**PHẦN II: PHỎNG VẤN (50 điểm)**

- **Yêu cầu:** Thí sinh trả lời từ 5-7 câu hỏi liên quan đến bản thân và dự định nghiên cứu của bản thân;
- **Đánh giá:** Phát âm (độ chính xác và rõ ràng của âm, trọng âm và ngữ điệu), ngữ pháp (độ phù hợp và chính xác về ngữ pháp), từ vựng (phổ từ vựng, độ phù hợp và chính xác về từ vựng), độ lưu loát (mức độ trôi chảy, tự nhiên), bố cục (độ liên kết và mạch lạc), nội dung (mức độ trả lời được các câu hỏi), chiến lược giao tiếp (ngôn ngữ cử chỉ, chiến lược lượt lời).

- **Cấu trúc:**

- **Phần 1:** (2 phút) *Giao tiếp xã hội:* Các câu hỏi kiểm tra, đánh giá năng lực giao tiếp xã hội thông thường của thí sinh như chào hỏi, giới thiệu bản thân,...
- **Phần 2:** (4 phút): *Phẩm chất, năng lực nghiên cứu:* Các câu hỏi kiểm tra, đánh giá những phẩm chất, năng lực, kinh nghiệm để tiến hành nghiên cứu của thí sinh.
- **Phần 3:** (4 phút): *Dự định nghiên cứu:* Các câu hỏi kiểm tra, đánh giá dự định nghiên cứu, kế hoạch nghiên cứu, nội dung và phương pháp nghiên cứu của thí sinh./

## PHỤ LỤC 7

### ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

---

#### ĐẠNG THỨC ĐỀ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

Các môn thi Ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Trung Quốc

#### I. THÔNG TIN CHUNG

- Bài thi dùng cho thi tuyển ở cả hai bậc thạc sĩ và tiến sĩ
- Thời gian làm bài: 120 phút
- Số lượng câu hỏi: 100
- Hình thức trả lời: Trắc nghiệm

#### II. CẤU TRÚC BÀI THI

Bài thi gồm hai phần:

**1. Phần I:** kiểm tra kiến thức ngữ pháp và từ vựng của thí sinh. Phần này gồm 50 câu, được chia thành hai mục.

- **Mục 1. Hoàn thành câu.** Mục này gồm 20 câu hỏi, mỗi câu hỏi là một câu chưa hoàn chỉnh, dưới mỗi câu là 4 phương án hoàn thành câu được đánh dấu A, B, C, D trong đó có 1 phương án đúng. Nhiệm vụ của thí sinh là chọn 1 phương án đúng ở mỗi câu.
- **Mục 2. Xác định lỗi (ngữ pháp và từ vựng).** Mục này bao gồm 30 câu hỏi, mỗi câu hỏi là một câu hoàn chỉnh với 4 phần gạch dưới được đánh dấu A, B, C, D trong đó có 1 lỗi ngữ pháp hoặc từ vựng. Nhiệm vụ của thí sinh là đọc và chọn 1 phương án sai ở mỗi câu.

**2. Phần II:** kiểm tra kỹ năng đọc hiểu của thí sinh. Phần này gồm 50 câu hỏi với khoảng 5 – 8 đoạn văn liên quan đến các chủ đề phổ thông về khoa học, công nghệ, văn hóa, xã hội... Dưới mỗi đoạn là một số câu hỏi với 4 phương án trả lời được đánh dấu A, B, C, D cho mỗi câu, trong đó có 1 phương án đúng. Thí sinh đọc và căn cứ vào nội dung bài đọc chọn 1 phương án đúng cho mỗi câu.

#### III. HÌNH THỨC BÀI THI

Bài thi gồm 2 phần riêng biệt: ĐỀ THI và PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM.

Thí sinh làm bài trên PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM. Cách trả lời được hướng dẫn trên ĐỀ THI.

#### IV. CÁCH TÍNH ĐIỂM

Tổng số điểm của bài thi là 100. Mức điểm đủ điều kiện xét tuyển đối với thí sinh dự tuyển bậc thạc sĩ là 50 điểm, bậc tiến sĩ là 65 điểm./.

## DẠNG THỨC ĐỀ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

Các môn thi Ngoại ngữ: Tiếng Hàn Quốc, tiếng Nhật Bản, Tiếng Ả rập

### I. THÔNG TIN CHUNG

- Bài thi dùng cho các kì thi tuyển sinh đào tạo thạc sĩ
- Thời gian làm bài: 120 phút
- Số lượng câu hỏi: 100 câu
- Hình thức trả lời: Trắc nghiệm

### II. CẤU TRÚC BÀI THI

#### II.1. Tiếng Hàn Quốc

Bài thi gồm hai phần:

**a) Phần I:** Kiểm tra kiến thức ngữ pháp và từ vựng của thí sinh. Phần này gồm 50 câu, được chia thành ba mục.

- **Mục 1. Hoàn thành câu.** Mục này gồm 20 câu hỏi, mỗi câu hỏi là một câu chưa hoàn chỉnh, dưới mỗi câu là 4 phương án hoàn thành câu được đánh dấu A, B, C, D trong đó có 1 phương án đúng. Nhiệm vụ của thí sinh là chọn 1 phương án đúng ở mỗi câu.

- **Mục 2. Tìm từ đồng nghĩa.** Mục này gồm 20 câu hỏi, mỗi câu hỏi là một câu hoàn chỉnh, trong đó có một cụm từ được gạch chân. Dưới mỗi câu là 4 phương án được đánh dấu A, B, C, D trong đó có 1 phương án là cụm từ đồng nghĩa, có thể dùng thay thế cho cụm từ được gạch chân ở câu trên. Nhiệm vụ của thí sinh là tìm ra 1 phương án đúng đó trong số 4 phương án đưa ra.

- **Mục 3. Xác định lỗi.** Mục này bao gồm 10 câu hỏi, mỗi câu hỏi gồm có 4 phương án, mỗi phương án là một câu hoàn chỉnh, trong đó có 1 phương án bị sai lỗi ngữ pháp. Nhiệm vụ của thí sinh là đọc và chọn 1 phương án sai trong 4 phương án đưa ra.

**b) Phần II:** Kiểm tra kĩ năng đọc hiểu của thí sinh. Phần này gồm 50 câu hỏi với 25 mẫu tin, thông báo, quảng cáo hoặc đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) liên quan đến các chủ đề phổ thông về văn hóa, xã hội, tin tức báo chí, khoa học.v.v... Dưới mỗi đoạn là 2 câu hỏi với 4 phương án trả lời được đánh dấu A, B, C, D cho mỗi câu, trong đó có 1 phương án đúng. Thí sinh đọc và căn cứ vào nội dung bài đọc chọn 1 phương án đúng cho mỗi câu.

#### II.2. Tiếng Nhật Bản

**a) Phần I:** Kiểm tra kiến thức ngữ pháp và từ vựng của thí sinh. Phần này gồm 50 câu, được chia thành bốn mục.

- **Mục 1. Hoàn thành câu:** Mục này gồm 20 câu hỏi, mỗi câu hỏi là một câu chưa hoàn chỉnh, dưới mỗi câu là 4 phương án hoàn thành câu được đánh dấu A, B, C, D trong đó có 1 phương án đúng. Nhiệm vụ của thí sinh là chọn 1 phương án đúng ở mỗi câu.

- **Mục 2. Tìm từ/cụm từ hoặc cách diễn đạt đồng nghĩa:** Mục này gồm 10 câu hỏi, mỗi câu hỏi là một câu hoàn chỉnh, trong đó cả câu hoặc một phần của câu được gạch chân. Dưới mỗi câu hỏi là 4 phương án được đánh dấu A, B, C, D trong đó có 1 phương án có nghĩa gần nhất với từ/cụm từ/cách diễn đạt được gạch chân, có thể dùng thay thế cho cụm từ được gạch chân ở câu phía trên. Nhiệm vụ của thí sinh là tìm ra 1 phương án đúng trong số 4 phương án đưa ra.

- **Mục 3. Xác định lỗi:** Mục này bao gồm 10 câu hỏi, mỗi câu hỏi là một câu hoàn chỉnh. Dưới mỗi câu hỏi là 4 phương án mỗi phương án chứa một phần của câu hỏi phía trên và được đánh dấu A, B, C, D; trong đó có 1 phương án là lỗi sai ngữ pháp hoặc từ vựng. Nhiệm vụ của thí sinh là đọc và chọn 1 phương án sai trong 4 phương án đưa ra.

- **Mục 4. Từ vựng – Chữ Hán:** Mục này được chia thành 2 phần nhỏ với 10 câu hỏi, mỗi câu hỏi là một câu hoàn chỉnh, trong đó có một phần từ hoặc chữ Hán được gạch chân. Dưới mỗi câu hỏi là 4 phương án được đánh dấu A, B, C, D trong đó có 1 phương án có cách viết chữ Hán hoặc cách đọc của chữ Hán đúng với phần được gạch chân trong câu hỏi. Nhiệm vụ của thí sinh là đọc và chọn 1 phương án đúng trong 4 phương án đưa ra.

**b) Phần II:** Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu của thí sinh. Phần này gồm 50 câu hỏi với 8 – 10 đoạn văn ngắn (khoảng 150 ~ 350 từ) liên quan đến các chủ đề phổ thông về văn hóa, xã hội, tin tức báo chí, khoa học.v.v... Dưới mỗi đoạn là một số câu hỏi với 4 phương án trả lời được đánh dấu A, B, C, D cho mỗi câu, trong đó có 1 phương án đúng. Thí sinh đọc và căn cứ vào nội dung bài đọc chọn 1 phương án đúng cho mỗi câu.

### **II.3. Tiếng Ả rập**

**a) Phần I:** Kiểm tra kiến thức ngữ pháp và từ vựng của thí sinh. Phần này gồm 50 câu, được chia thành bốn mục.

- **Mục 1. Hoàn thành câu:** Mục này gồm 20 câu hỏi, mỗi câu hỏi là một câu chưa hoàn chỉnh, dưới mỗi câu là 4 phương án hoàn thành câu được đánh dấu A, B, C, D trong đó có 1 phương án đúng. Nhiệm vụ của thí sinh là chọn 1 phương án đúng ở mỗi câu.

- **Mục 2. Tìm từ/cụm từ hoặc cách diễn đạt đồng nghĩa:** Mục này gồm 10 câu hỏi, mỗi câu hỏi là một câu hoàn chỉnh, trong đó cả câu hoặc một phần của câu được gạch chân. Dưới mỗi câu hỏi là 4 phương án được đánh dấu A, B, C, D trong đó có 1 phương án có nghĩa gần nhất với từ/cụm từ/cách diễn đạt được gạch chân, có thể dùng thay thế cho cụm từ được gạch chân ở câu phía trên. Nhiệm vụ của thí sinh là tìm ra 1 phương án đúng trong số 4 phương án đưa ra.

- **Mục 3. Xác định lỗi:** Mục này bao gồm 10 câu hỏi, mỗi câu hỏi là một câu hoàn chỉnh. Dưới mỗi câu hỏi là 4 phương án mỗi phương án chứa một phần của câu hỏi phía trên và được đánh dấu A, B, C D; trong đó có 1 phương án là lỗi sai ngữ pháp hoặc từ vựng. Nhiệm vụ của thí sinh là đọc và chọn 1 phương án sai trong 4 phương án đưa ra.

- **Mục 4. Tìm giới từ thích hợp:** Mục này gồm 10 câu hỏi, mỗi câu hỏi là một câu chưa hoàn chỉnh, dưới mỗi câu hỏi là 4 phương án được đánh dấu A, B, C, D, trong đó có 1 phương án đúng. Nhiệm vụ của thí sinh là đọc và chọn 1 phương án đúng trong 4 phương án đưa ra.

**b) Phần II:** Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu của thí sinh. Phần này gồm 50 câu hỏi với 8 – 10 đoạn văn ngắn (khoảng 150 ~ 350 từ) liên quan đến các chủ đề phổ thông về văn hóa, xã hội, tin tức báo chí, khoa học.v.v... Dưới mỗi đoạn là một số câu hỏi với 4 phương án trả lời được đánh dấu A, B, C, D cho mỗi câu, trong đó có 1 phương án đúng. Thí sinh đọc và căn cứ vào nội dung bài đọc chọn 1 phương án đúng cho mỗi câu.

### **III. HÌNH THỨC BÀI THI**

Bài thi gồm 2 phần riêng biệt: ĐỀ THI và PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM.

Thí sinh làm bài trên PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM. Cách trả lời được hướng dẫn trên ĐỀ THI.

### **IV. CÁCH TÍNH ĐIỂM**

Tổng số điểm của bài thi là 100. Mức điểm đủ điều kiện xét tuyển đối với thí sinh dự tuyển bậc thạc sĩ là 50 điểm./.

## PHỤ LỤC 8

### BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC

#### Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4,5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	PET	Preliminary	40	B1

#### Một số thứ tiếng khác

Khung năng lực ngoại ngữ VN	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật	tiếng Hàn
Cấp độ 3	TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4	TOPIK 3

**Ghi chú:** Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, đơn vị đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

## PHỤ LỤC 9

### DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ CẤP CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ ĐƯỢC CÔNG NHẬN TRONG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC TẠI ĐHQGHN

#### 1. Chứng chỉ Bậc 3/6 Khung NLNN dùng cho người Việt Nam

STT	Cơ sở đào tạo	Chứng chỉ B1 được công nhận				
		Tiếng Anh	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức
1	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐHQGHN	√	√	√	√	√
2	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng	√	√			
3	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế	√	√	√	√	
4	Trường ĐH SP TP Hồ Chí Minh	√	√	√	√	
5	Trường ĐH Hà Nội	√	√	√	√	√

#### 1. Các chứng chỉ tiếng Anh

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận					
		IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam PET	BEC Preliminary	BULATS
1	Educational Testing Service (ETS)		√	√			
2	British Council (BC)	√					
3	International Development Program (IDP)	√					
4	Cambridge ESOL	√			√	√	√

#### 3. Một số thứ tiếng khác

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Chứng chỉ B1 được công nhận					
		tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật	tiếng Hàn
		TRKI 1	DELTA B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4	TOPIK 3
1.	Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga	√					
2.	Trung tâm Văn hóa Pháp		√				
3.	Viện Goethe Việt Nam			√			
4.	Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc				√		
5.	Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản					√	
6.	Viện chương trình và đánh giá Hàn Quốc (KICE)						√



## PHỤ LỤC 10

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### QUY CHẾ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC Ở ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

*(ban hành theo Quyết định số 1555/QĐ-ĐHQGHN, ngày 25 tháng 5 năm 2011  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

#### **Điều 28: Tổ chức xét chuyển tiếp sinh**

##### **1. Điều kiện xét chuyển tiếp sinh:**

b) Sinh viên tốt nghiệp hệ chính quy của Đại học Quốc gia Hà Nội được xét chuyển tiếp sinh đào tạo tiến sĩ trong năm tốt nghiệp nếu có đủ những điều kiện sau:

- Ngành tốt nghiệp đại học đúng với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ;
- Tổng điểm trung bình chung tích lũy toàn khoá và điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học đạt từ 3,7 trở lên;
- Đạt điều kiện về môn ngoại ngữ tuyển sinh đào tạo tiến sĩ ở Đại học Quốc gia Hà Nội tại thời điểm xét hồ sơ;
- Có nguyện vọng và được đơn vị đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội chấp nhận.

##### **2. Quy định về mức điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học**

a) Đối với công trình nghiên cứu khoa học sinh viên:

- Đạt giải thưởng cấp Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: giải nhất: 0,2 điểm; giải nhì: 0,15 điểm; giải ba: 0,1 điểm; giải khuyến khích: 0,07 điểm;
- Đạt giải thưởng cấp trường hoặc cấp khoa trực thuộc: giải nhất: 0,1 điểm; giải nhì: 0,07 điểm; giải ba: 0,05 điểm.

b) Đối với bài báo khoa học đăng ở tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học (có phản biện): cấp quốc tế: 0,2 điểm; cấp quốc gia: 0,15 điểm; cấp cơ sở: 0,1 điểm;

c) Nếu công trình nghiên cứu khoa học hoặc các bài báo khoa học do nhiều người thực hiện thì điểm thưởng được chia đều cho số người tham gia. Sinh viên có nhiều thành tích thì được tích lũy điểm thưởng nhưng không quá 0,5 điểm;

d) Mức điểm thưởng cho các thành tích khác về nghiên cứu khoa học do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét, quyết định cụ thể cho từng trường hợp.